

Ngày 31/03/2025	3,320 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	2.5%	1.8%

2024	
ROE	1.1%
	+/- YoY ▼ 0.5%

Q1/25	
DT thuần	108
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 10.4 ▲ 10.3%
	YoY ▲ 10.1 ▲ 10.0%

2024	
DT thuần	412
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 82.0 ▼ 16.6%

Q1/25	
LN gộp	11.6
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 4.00 ▼ 25.6%
	YoY ▲ 0.70 ▲ 6.4%

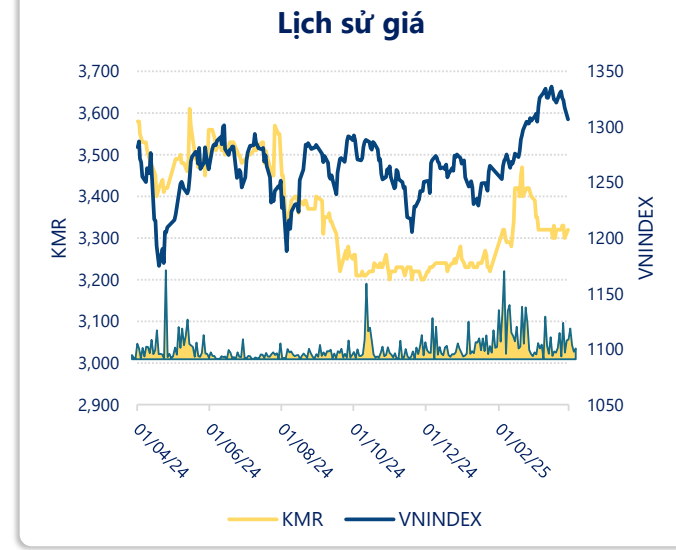
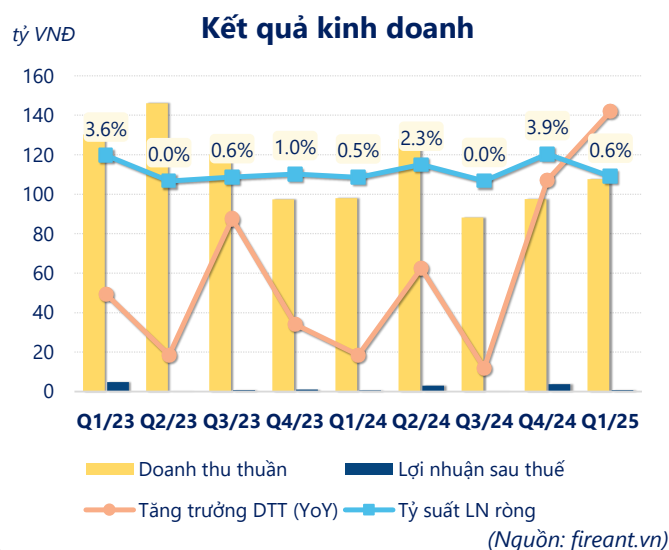
2024	
LN gộp	56.1
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 10.1 ▼ 15.2%

Q1/25	
LN thuần	1.80
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 2.96 ▼ 62.3%
	YoY ▲ 0.91 ▲ 102%

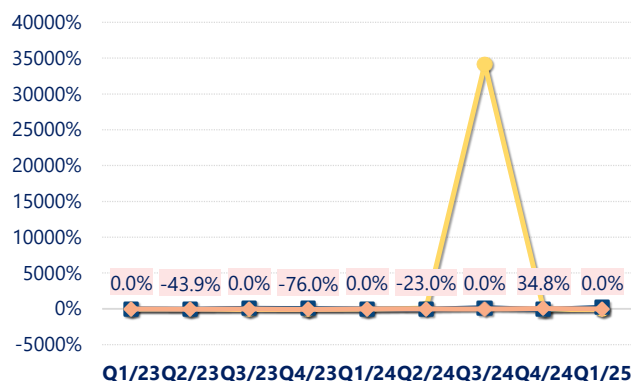
2024	
LN thuần	10.7
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 4.90 ▼ 31.4%

Q1/25	
LN sau thuế	0.69
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 3.07 ▼ 81.6%
	YoY ▲ 0.17 ▲ 32.7%

2024	
LN sau thuế	6.85
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 2.96 ▼ 30.2%



Tăng trưởng lợi nhuận

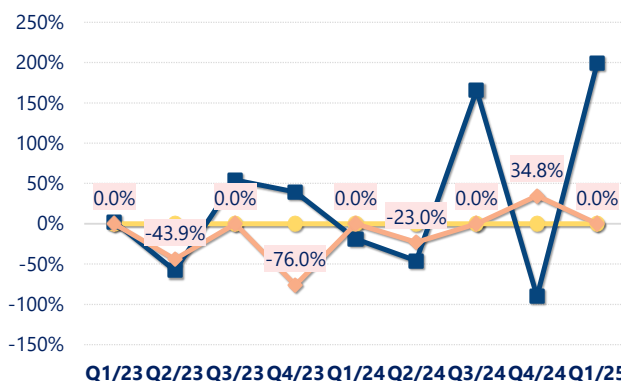


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

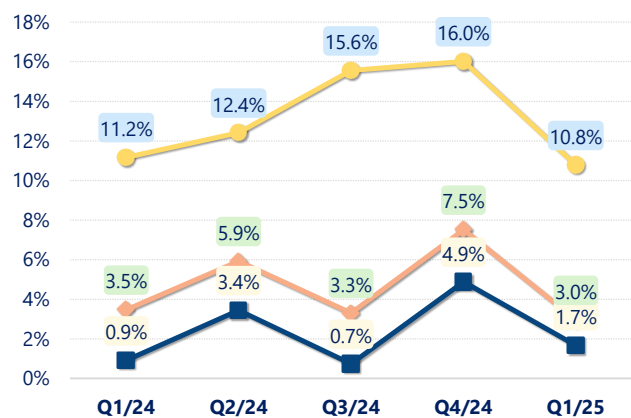


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

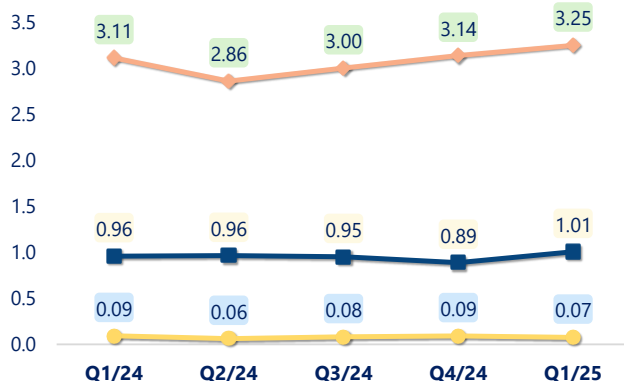


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

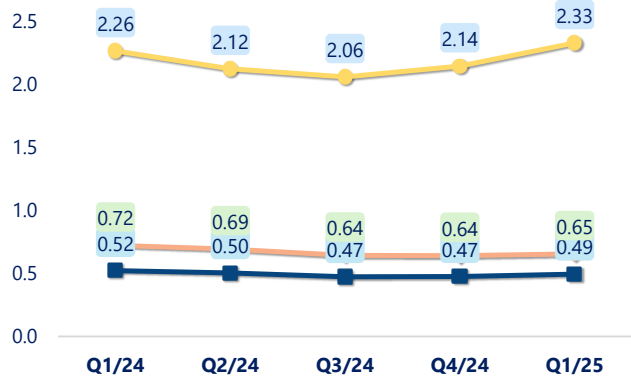


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

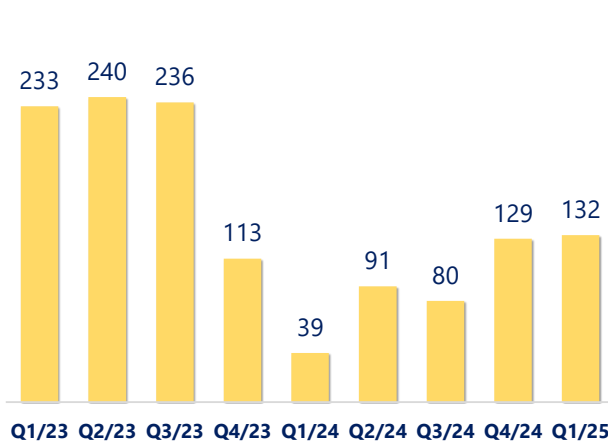


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	108	97.9	10.0%	412	494	-16.6%
Giá vốn hàng bán	96.1	87.0	10.4%	355	428	-16.8%
Lợi nhuận gộp	11.6	10.9	6.4%	56.1	66.2	-15.2%
Doanh thu HĐTC	0.34	0.42	-19.4%	6.03	4.40	37.1%
Chi phí TC	2.49	2.88	-13.5%	13.9	14.1	-1.4%
Chi phí lãi vay	2.49	2.88	-13.6%	11.9	12.1	-1.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.66	3.32	10.4%	17.9	19.7	-9.1%
Chi phí QLDN	3.99	4.28	-6.8%	19.7	21.2	-7.1%
LN thuần từ HĐKD	1.80	0.89	102%	10.7	15.6	-31.4%
Lợi nhuận khác	-1.11	-0.37	-199%	-1.10	-2.82	60.8%
LN trước thuế	0.69	0.52	32.7%	9.57	12.7	-24.9%
Lợi nhuận sau thuế	0.69	0.52	32.7%	6.85	9.81	-30.2%
LNST của CĐ cty mẹ	0.69	0.52	32.7%	6.85	9.81	-30.2%

(Nguồn: fireant.vn)

